

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 57/2023/DS-ST

Ngày: 16/03/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên;**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Châu Văn Bình**

+ Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 381/2022/TLST-DS ngày 11/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 2 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Đặng Thị Ngọc L** – sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Lê Thị Hồng A** – sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 244/2 ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** **Đinh Mộng N** - sinh năm: 1990; (xin vắng mặt)

Lê Tấn P – sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà **Đặng Thị Ngọc L** trình bày: vợ chồng anh **Lê Tấn P** và chị **Đinh Mộng N** có vay của bà tổng số tiền 125.000.000 đồng, cụ thể những lần vay như sau: ngày 26/03(Al)/2019 vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận tháng 7(Al)/2019 trả tiền. Ngày 07/01(Al)/2021 vay tiếp số tiền 85.000.000 đồng, thỏa thuận 06 tháng trả tiền, lãi suất là 3%/ tháng. Khi vay anh **P** có viết biên nhận và ký tên. Bà **L** yêu cầu anh **P** chị **N** trả số tiền 125.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng 1,66%/ tháng, tiền lãi tính theo từng biên nhận đến khi xét xử. Quá trình giải quyết vụ án, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền

39.000.000 đồng, yêu cầu anh P, chị N trả số tiền 86.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 30/04/2022 đến khi xét xử.

* Bị đơn anh Lê Tấn P trình bày: anh thừa nhận hiện nay vợ chồng anh (vợ tên Đinh Mộng N) còn nợ bà L số tiền 86.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu trả số tiền vốn 86.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66%/ tháng từ ngày 30/4/2022 đến khi xét xử, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật thì vợ chồng anh không đồng ý vì hoàn cảnh kinh tế hiện nay khó khăn, vợ chồng anh trả xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và không trả lãi.

* Bị đơn chị Đinh Mộng N trình bày: chị thống nhất lời trình bày của anh P. Hiện nay chị và anh P chỉ còn nợ bà L số tiền 86.000.000 đồng, hoàn cảnh kinh tế hiện nay khó khăn, chị và anh P trả xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và không trả lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L đối với số tiền 39.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc anh P, chị N có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vốn 86.000.000 đồng và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Đặng Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu anh Lê Tấn P và chị Đinh Mộng N trả số tiền vay còn nợ nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bị đơn anh Lê Tấn P và chị Đinh Mộng N cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn chị Đinh Mộng N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Hồng A - đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc L trình bày bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 39.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin rút số tiền 39.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L, Hội đồng xét xử thấy rằng: bà L khởi kiện yêu cầu anh Lê Tấn P và chị Đinh Mộng N trả số tiền vay 86.000.000 đồng. Phía đại diện ủy quyền của bà L trình bày vào ngày 26/03(al)/2019, anh P, chị N vay số tiền 40.000.000 đồng và ngày 07/01(al)/2021 vay tiếp số tiền 85.000.000 đồng, khi vay anh P có làm biên nhận và ký tên. Sau đó, anh P có trả tiền cho bà L, thống nhất số tiền anh P, chị N còn nợ bà L là 100.000.000 đồng và cả hai làm lại biên nhận vào ngày 23/10 (al)/2021. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án “ Hợp đồng mượn tiền và trả tiền ngày 23/10(al)/2021” do bà L viết, anh P ký tên. Anh P thừa nhận chữ ký trong biên nhận là của anh. Biên nhận ghi là mượn tiền nhưng hai bên thừa nhận là cho vay có tính lãi suất. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà L và anh P, chị N đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của bà L yêu cầu anh P chị N trả số tiền 86.000.000 đồng. Ngoài số tiền này, anh P chị N không còn nợ bà L số tiền nào và bà L cũng không còn giữ biên nhận nào thể hiện anh P, chị N có vay thêm tiền của bà L. Anh P thừa nhận hiện nay anh và chị N (vợ anh) còn nợ bà L số tiền 86.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh cho rằng anh đã trả cho bà L số tiền 40.000.000 đồng của biên nhận ngày 26/03(al)/2019, sau đó bà L và anh thống nhất anh và chị N còn nợ số tiền 85.000.000 đồng của biên nhận ngày 07/01(al)/2021, bà L tính lãi 15.000.000 đồng, tổng cộng 100.000.000 đồng và làm lại biên nhận “ Hợp đồng mượn tiền và trả tiền ngày 23/10(al)/2021”, anh đã trả 14.000.000 đồng, còn lại 86.000.000 đồng. Phía đại diện ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý lời trình bày của anh P vì khi anh P trả tiền thì hai bên mới thống nhất làm lại “Hợp đồng mượn tiền và trả tiền ngày 23/10(al)/2021”, sau đó anh P có trả tiền cho bà L nhiều lần, lần trả gần nhất là vào tháng 04/2022, bà L không có tính lãi vào vốn như anh P trình bày, anh P không có gì chứng minh đối với lời trình bày của mình. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh P và chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc anh P, chị N có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 86.000.000 đồng.

[7] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, chị A – đại diện ủy quyền của bà L yêu cầu tính lãi số tiền 86.000.000 đồng từ ngày 01/05/2022 đến ngày 16/03/2023 với lãi suất là 0,83 %/tháng. Anh P, chị N đã vi phạm thời hạn trả tiền nên bà L yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Tính lãi số tiền 86.000.000 đồng từ ngày 01/05/2022 đến ngày 16/03/2023 là 10 tháng 16 ngày, tiền lãi 86.000.000 đồng x 10 tháng 16 ngày x 0,83%/ tháng = 7.514.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi anh P chị N còn nợ bà L số tiền là 93.514.000 đồng.

[8] Về thời gian trả: anh P xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà L không đồng ý mà yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên anh P, chị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L đối với số tiền 39.000.000 đồng.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L.

Buộc anh Lê Tấn P và chị Đinh Mộng N có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền 93.514.000 đồng (Chín mươi ba triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh P, chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Anh Lê Tấn P và chị Đinh Mộng N phải chịu 4.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà L, anh P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với chị N thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Thị Cẩm Tiên